

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày 29/12/2017
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và bà Trương Thị Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N – Sinh năm 1972

Bị đơn: Anh Trần Văn D – Sinh năm 1987

Đều địa chỉ: Thôn HC, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm Này, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Vào khoảng năm 2011 – 2012 anh Trần Văn D làm mái tôn cho gia đình bà, biết bà vay tiền cá nhân để đảo nợ Ngân hàng nên anh D hỏi bà vay lại số tiền là 109.000.000 đồng, hẹn bà 02 ngày sau sẽ trả. Sau đó anh D không trả đầy đủ như đã hẹn. Bà đã phải đi vay tiền nhiều nơi để trả nợ, bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh D không trả trong khi anh D có tiền mua sắm tiện nghi cho gia đình. Ngày 10 tháng 7 năm 2014 anh D viết giấy nhận nợ bà số tiền 60.000.000 đồng, anh trả nợ bằng cách theo phùng cho bà hàng tháng, mỗi tháng 2.600.000 đồng bắt đầu đóng phùng từ tháng 6/2014 nhưng anh D thực hiện không đầy đủ. Mỗi lần anh D trả nợ bà đều tự tay ghi phía sau giấy nhận nợ để dễ theo dõi. Ban đầu do bà cộng nhầm số tiền anh D đã trả nợ là 16.200.000 đồng nên đơn khởi kiện bà yêu cầu anh D trả bà số tiền là 43.800.000 đồng. Sau khi tính toán lại, anh D đã trả bà 18.200.000 đồng, Ny

bà yêu cầu anh D phải trả nợ bà số tiền còn lại là 41.800.000đồng. Bà không yêu cầu anh D phải trả lãi với số tiền trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn, anh Trần Văn D trình bày:

Vào năm 2012 anh vay của bà Trần Thị N số tiền 105.000.000đồng để đảo nợ ngân hàng, hai bên không viết giấy biên nhận, lãi suất 2.500đồng / 1.000.000 đồng / 1 ngày; thời gian vay là 02 ngày. Sau đó 01 tuần anh mới nhận được tiền giải ngân nhưng do cần vốn anh đã trích lại một phần tiền để lấy vốn làm cơ khí nên trả cho bà N không đầy đủ. Ngày 10/7/2014 bà N yêu cầu anh viết giấy nhận nợ nên anh đã viết giấy biên nhận còn nợ lại bà N tiền gốc và lãi là 60.000.000 đồng và cam kết trả phườn hàng tháng nhưng do làm ăn khó khăn nên anh không theo phườn đầy đủ như trong giấy cam kết. Tại phiên tòa, anh xác định: đến ngày 10/7/2014 anh chỉ còn nợ bà N số tiền gốc là 34.000.000đồng, sau đó anh đã theo phườn cho bà N 18.200.000đồng. Do kinh tế khó khăn anh đề nghị được trả dần phần nợ gốc còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TH yêu cầu anh Trần Văn D thanh toán số tiền nợ là 43.200.000 đồng. Thời gian cuối cùng anh D phải thanh toán nợ được xác định trong giấy nhận nợ là tháng 6/2016. Ngày 01/10/2017 bà N khởi kiện anh D, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn D khai nhận: Vào năm 2012 anh vay tiền của bà Trần Thị N lãi suất 2.500 đồng/1.000.000đồng/1 ngày nhưng bà Trần Thị N không công nhận bà tính lãi suất như anh D đã trình bày mà bà chỉ tính lãi suất với anh D như lãi suất vay Ngân hàng. Tòa án đã yêu cầu bà N, anh D cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng hai bên đều không cung cấp được chứng cứ để Tòa án xác định thời gian, số tiền gốc và tiền lãi anh D đã trả cho bà N trước thời điểm anh D viết giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ anh D viết ngày 10/7/2014 thể hiện số tiền anh D còn nợ bà N là 60.000.000đồng nhưng không ghi rõ số tiền gốc, lãi nên không chứng minh được bà N cho anh D vay với lãi suất như anh D khai nhận để tính phần lãi vượt quá quy định. Nợ anh D không thực hiện trả nợ đúng theo cam kết nên anh D là người vi phạm cam kết, do đó buộc anh D phải trả cho bà N số tiền còn nợ lại là 41.800.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Trần Thị N không yêu cầu anh Trần Văn D phải trả lãi từ khi anh D vi phạm cam kết đến thời điểm xét xử vụ án nên không phải giải quyết.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Trần Thị N được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Anh Trần Văn D phải chịu án phí là 5% số tiền phải trả cho bà Trần Thị N.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 290, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc anh Trần Văn D phải trả cho bà Trần Thị N số tiền là 41.800.000 đồng (bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kể từ ngày bà Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong hàng tháng anh Trần Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 2.090.000 đồng (hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai số 0008490 ngày 07/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH
- Các đương sự
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thương Huyền